TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **947**/2024/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 01 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 745/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương N**, sinh năm 1975

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: E ấp E, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1972

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: E ấp E, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Văn L đồng ý ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 1/2006 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Văn L xác nhận có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Minh P, sinh ngày 24/12/2007 (giới tính: nữ) và Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 01/07/2009 (giới tính: nam).

Hiện nay hai trẻ Minh P và trẻ Minh K đang chung sống với ông L và bà N. Bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Văn L thống nhất thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Ngọc Minh P và Nguyễn Hữu Minh K cho bà Phương N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Văn L xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Văn L xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương N tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Phương N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005970 ngày 05/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phương N được nhận lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

III. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- UBND xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Duy Linh

